

Số: 07/2026/QĐST-KDTM

Sơn La, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2026/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP L (L1).**

Địa chỉ: LPB T, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật. Ông Vũ Quốc K - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Quốc N - Giám đốc Chi nhánh S; Ông Trần Mạnh Đ - Trưởng phòng khách hàng cá nhân; Ông Bạc Cầm T - Chuyên viên xử lý nợ (Theo quyết định số 535B/2025/QĐ-LPBank.SL ngày 20/11/2025).

Bị đơn: **Ông Vũ Đức A và bà Quàng Thị B.** Địa chỉ: Tổ G Q, phường T, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức A (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/01/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Đoàn Thị N1 và ông Vũ Đức H.** Địa chỉ: Tổ G Q, phường T, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức A (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/01/2026).

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ:** Ông Vũ Đức A và bà Quàng Thị B xác nhận có nợ Ngân hàng TMCP L (L1) số tiền tính đến ngày 26/3/2026 là: Nợ gốc: 3.974.226.313 đồng (Ba tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm mười ba đồng); Nợ lãi: 609.593.553 đồng (Sáu trăm lẻ chín triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng); Lãi chậm trả gốc quá hạn: 1.487.270.628 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng); Lãi chậm trả lãi quá hạn: 23.798.087 đồng (Hai mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng); Nợ gốc thẻ tín dụng: 12.110.494 đồng (Mười hai triệu, một trăm mười nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng); Nợ lãi, phí thẻ tín dụng: 18.776.013 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm mười ba đồng). Tổng cộng: 6.123.613.329 đồng (Sáu tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).

**2.2. Về trách nhiệm trả nợ:** Ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP L (L1) số tiền vay tạm tính đến ngày 26/3/2026 là:

Nợ gốc: 3.974.226.313 đồng.

Nợ lãi: 609.593.553 đồng.

Lãi chậm trả gốc quá hạn: 1.487.270.628 đồng.

Lãi chậm trả lãi quá hạn: 23.798.087 đồng.

Nợ gốc thẻ tín dụng: 12.110.494 đồng.

Nợ lãi, phí thẻ tín dụng: 18.776.013 đồng.

Tổng cộng: 6.123.613.329 đồng.

Ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD22020220347 ngày 12/7/2022 và các văn bản tín dụng kèm theo đã ký giữa Ngân hàng TMCP L (L1) với ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B kể từ ngày 27/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP L (L1) có toàn quyền tự xử lý ủy quyền cho bên thứ ba để xử lý**

tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP L (L1). Tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 406055, số vào sổ cấp GCN: CS 00461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 24/12/2020 mang tên Vũ Đức A. Địa chỉ thửa đất tại bản H, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là bản H, phường C, tỉnh Sơn La).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 069722, số vào sổ cấp GCN: CS 00322 theo Quyết định số: 744/QĐ-VPĐKĐD do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 07/9/2018 mang tên Đoàn Thị N1. Địa chỉ thửa đất tại bản H, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là bản H, phường C, tỉnh Sơn La).

(Tài sản thế chấp được mô tả cụ thể tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B đối với Ngân hàng TMCP L (L1). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP L (L1).

Trường hợp ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B đã thanh toán hết số nợ gốc và lãi phát sinh tương ứng đến thời điểm trả cho TMCP L (L1) thì các bên có liên quan trong hợp đồng thế chấp phải làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B và bà Đoàn Thị N1, ông Vũ Đức H.

**2.4. Về chi phí tố tụng:** Bị đơn ông Vũ Đức A, bà Quàng Thị B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng). Do nguyên đơn TMCP L (L1) đã tạm ứng số tiền trên nên bị đơn có trách nhiệm trả cho TMCP L (L1) toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

#### **2.5. Về án phí:**

Ông Vũ Đức A và bà Quàng Thị B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.061.807 đồng (Năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm linh bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L (L1) số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 56.925.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000013 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và**

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1 - Sơn La (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Sơn La;
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thu Hà**